

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 5- 2025

V/v “tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tám.

2. Ông Bùi VănMầu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Hiên- Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Quốc- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 557/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị H** sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã QMT, huyện T, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:** Anh **Đinh Mỹ X** sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã TT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Mỹ X chung sống với nhau năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT vào ngày 18/6/2003. Đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh X không lo làm ăn, hay cờ bạc, gây nợ nần và chị đã trả nhiều lần, vợ chồng có cự cãi nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được, chị có khuyên nhưng anh X

không thay đổi, không có tiếng nói chung. Nay yêu cầu được ly hôn với anh X.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đinh Lê Phú Q sinh ngày 25/10/2003 và Đinh Lê Thành Đạt sinh ngày 28/5/2011. Hiện cháu Q đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Đạt đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu Đạt, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề buôn bán, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng đủ để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là anh Đinh Mỹ X đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến và yêu cầu gì.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn với anh X, giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Anh Đinh Mỹ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Lê Thị H vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị H và anh X.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Đinh Mỹ X chung sống với nhau năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT vào ngày 18/6/2003 nên là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh X theo chị H xác định là do anh X không lo làm ăn, hay cờ bạc, gây nợ nần và chị H đã trả nợ nhiều lần, vợ chồng có cự cãi và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Thời gian chị H và anh X sống ly thân đến nay đã lâu nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được. Anh X không có ý kiến mặt dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, điều đó thể hiện ý chí của anh X là không muốn vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Đinh Lê Phú Q sinh ngày 25/10/2003, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Đinh Lê Thành Đ sinh ngày 28/5/2011 hiện đang sống với chị H và cháu Đ cũng có nguyện vọng sống với chị H. Anh X không có ý kiến phản đối mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống và quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Đinh Mỹ X.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Đinh Lê Thành Đ sinh ngày 28/5/2011 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0015957 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang xem như chị H đã nộp xong án phí.

3. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với chị Lê Thị H và anh Đinh Mỹ X được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi